

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 254/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-8-2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  - Ông Võ Thanh Nhân;
  - Ông Nguyễn Văn Hồng.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trương Kim L, sinh năm 1976; địa chỉ: số E, tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ G, khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Kim L trình bày, bà L và ông Nguyễn Phước T hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện C, vào ngày 10/12/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Bà L và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông Thủ

thường nhậu cùng bạn bè, không quan tâm đến vợ. Bà L và ông T đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Giấy chứng nhận kết hôn số 316, quyển số 02/2002 ngày 10/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trương Kim L và ông Nguyễn Phước T (bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà L không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà L và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường nhậu, không quan tâm đến vợ. Bà L và ông T không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông T là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông T không quan tâm đến vợ. Từ khi bà L khởi kiện ly hôn cho đến nay, ông T không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung, không có. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Phước T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông Thủ thường nhậu cùng bạn bè, không quan tâm đến vợ. Bà L, ông T không còn sống chung từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà L và ông T thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ đầu năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết*

*326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim L.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 316, quyền số 02/2002 ngày 10/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trương Kim L và ông Nguyễn Phước T không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015588 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 6 năm 2024; bà Trương Kim L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Phước T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trương Kim L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Phước T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**